

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 10/01/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Tiến.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền Thương.*

*Bà Lê Thị Ngọc Anh.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê An – Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2023.

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Trọng Hồng P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2023 nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Thị H và anh Phan Trọng Hồng P kết hôn vào ngày 05/5/2014 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh

phúc, từ đầu năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung đến tháng 3 năm 2018, chị H đã về sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Hai vợ chồng ly thân đã được 05 năm, trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Phan Trọng Hồng P.

Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Phan Trọng Hồng P có 02 con chung, cháu Phan Lê Tấn Đ, sinh ngày 07/3/2015 và cháu Phan Lê B, sinh ngày 16/12/2017. Hiện tại cháu Phan Lê Tấn Đ đang ở với anh Phan Trọng Hồng P, còn cháu Phan Lê B đang sống với chị Lê Thị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Lê B, còn giao cháu Phan Lê Tấn Đ cho anh Phan Trọng Hồng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Trọng Hồng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn không có bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất bị đơn anh Phan Trọng Hồng P vắng mặt, nên Toà án không tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải được; Tại phiên tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai bị đơn tiếp tục vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được; Toà án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả việc tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn. Tại phiên tòa, anh Phan Trọng Hồng P thừa nhận do điều kiện kinh tế không ổn định nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay nhưng không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H. Về con chung anh Phan Trọng Hồng P có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu Phan Lê Tấn Đ và Phan Lê B và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phan Trọng Hồng P.

Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ, xử giao cháu Phan Lê B, sinh ngày 16/12/2017 cho chị Lê Thị H chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Phan Lê Tấn Đ, sinh ngày 07/3/2015 cho anh Phan Trọng Hồng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Lê Thị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Lê Thị H và anh Phan Trọng Hồng P có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Ngày 04/10/2023, chị Lê Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Trọng Hồng P, cư trú tại: Thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị và giải quyết về việc nuôi con chung là quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị. (Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự)

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả về tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân là nguồn chứng cứ khác để có cơ sở để giải quyết vụ án đúng pháp luật. Ngày 25/12/2023, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2023. Bị đơn anh Phan Trọng Hồng P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Phan Trọng Hồng P kết hôn vào ngày 05/5/2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, hôn nhân của chị Lê Thị H và anh Phan Trọng Hồng P là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung nên từ tháng 3 năm 2018 chị Lê Thị H cùng con gái là cháu Phan Lê B về nhà mẹ đẻ của mình sống tại thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa còn anh Phan Trọng Hồng P cùng con trai là cháu Phan Lê Tấn Đ về sống tại thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Tại phiên tòa chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Phan Trọng Hồng P. Trong quá trình toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh Phan Trọng Hồng P đã được tổng đạt hợp pháp về thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và tiếp cận công khai chứng cứ lần 01 vào ngày 31/10/2023, lần 02 vào ngày 22/11/2023 nhưng phía bị đơn anh Phan Trọng Hồng P vẫn không có bản trình bày ý kiến và không tham gia hoà giải tại Tòa án, cho thấy anh P không có thiện chí mong muốn được hoà giải, hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Lê Thị H với anh Phan Trọng Hồng P đã sống ly thân hơn 5 năm, không còn quan tâm đến nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Lê Thị H xin ly hôn với anh Phan Trọng Hồng P là có cơ sở, cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình)

[4] Về con chung: Vợ chồng anh Phan Trọng Hồng P và chị Lê Thị H có 02 con chung là cháu Phan Lê Tấn Đ, sinh ngày 07/3/2015 và cháu Phan Lê B, sinh ngày 16/12/2017. Từ tháng 3 năm 2018 đến nay cháu Phan Lê Tấn Đ đang sống cùng với anh Phan Trọng Hồng P tại thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị còn cháu Phan Lê B sống cùng với chị Lê Thị H tại thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi và ổn định của các cháu nên giao cháu Phan Lê B cho chị Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Phan Lê Tấn Đ cho anh Phan Trọng Hồng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hợp lý. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với Phan Trọng Hồng P.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phan Lê Tấn Đ, sinh ngày 07/3/2015 cho anh Phan Trọng Hồng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phan Lê B, sinh ngày 16/12/2017 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000180 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, chị Lê Thị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- UBND xã Ea Yông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

Nguyễn Phương Tiến